

Số/No.: 345/CV-ĐP-KT
V/v Đính chính thông tin đã được
công bố trên BCTC hợp nhất quý
2/2025 của DPG / Subject: The
corrected information has been
disclosed in DPG's consolidated
financial statements for Q2/2025.

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2025
Hanoi, July 31, 2025

Kính gửi/To:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission of Vietnam*
- Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Quý cổ đông và các nhà đầu tư / *Shareholders and Investors*

Tên Tổ chức : Công ty Cổ phần tập đoàn Đạt Phương
Organization Name: Dat Phuong Group Joint Stock Company
Tên giao dịch : Tập đoàn Đạt Phương
Trading Name : Dat Phuong Group
Trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Từ
Liêm, TP. Hà Nội
*Head Office : 15th Floor, Handico Tower, Me Tri Ha New Urban Area, Pham Hung
Street, Tu Liem Ward, Hanoi City*
Điện thoại : 0243.7830856 Fax: 0243.7830859
Telephone : 0243.7830856 Fax: 0243.7830859
Mã chứng khoán : DPG
Securities Code : DPG
Sàn giao dịch : HSX
Exchange : HSX

Công ty Cổ phần tập đoàn Đạt Phương đính chính thông tin tại Báo cáo kết quả kinh
doanh hợp nhất tại Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2025 đã được công bố như sau:

*Dat Phuong Group Joint Stock Company announces a correction to the information
presented in the consolidated business results in the Consolidated Financial Statements for
Q2/2025 as follows:*



Trên Báo cáo Hợp nhất / On the Consolidated Financial Statements:

Chỉ tiêu / Indicator	Đã công bố (Published)		Đính chính (Revised)		Chênh lệch/Difference	
	Quý 2/2025 Q2/2025	Quý 2/2024 Q2/2024	Quý 2/2025 Q2/2025	Quý 2/2024 Q2/2024	Quý 2/2025 Q2/2025	Quý 2/2024 Q2/2024
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát/Profit after tax of non-controlling shareholders	18.493.679.375	18.973.807.082	32.146.435.456	18.493.679.375	13.652.756.081	(480.127.707)

Nguyên nhân / Reasons:

Đính chính thông tin do lỗi khi cập nhật số liệu trong quá trình in ấn.

This correction is made due to an error in data updating during the printing process.

Trân trọng!

Sincerely,

Nơi nhận/ Recipients:

- Như kính gửi / As addressed;
- Lưu KT, VT / Filed: Acc., Admin.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

LEGAL REPRESENTATIVE

Tổng Giám đốc/General Director



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG/DATPHUONG GROUP JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Address: 15th Floor, Handico Building, Me Tri Ha New Urban Area, Pham Hung Street, Tu Liem Ward, Hanoi City
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT / CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
Quý 2 năm 2025 (Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025) / Quarter 2 of 2025 (From April 1, 2025 to June 30, 2025)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH / INCOME STATEMENT

Quý 2 năm 2025/Quarter 2 of 2025

Đơn vị tính/Unit: VND

		Quý 2/Quarter 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này/Accumulated from the beginning of the year to the end of this quarter			
CHỈ TIÊU/ITEMS		Mã số/ Code	Thuyết minh/ Note	Năm nay/Current year	Năm trước/Previous year	Năm nay/Current year	Năm trước/Previous year
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.141.522.755.949	960.252.946.514	1.669.349.794.485	1.386.007.721.207
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.141.522.755.949	960.252.946.514	1.669.349.794.485	1.386.007.721.207
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	981.138.611.948	830.617.679.506	1.356.258.212.741	1.132.684.119.792
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		160.384.144.001	129.635.267.008	313.091.581.744	253.323.601.415
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.628.123.869	3.118.001.583	6.864.781.329	10.080.136.904
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	28.463.254.771	26.999.104.990	56.541.143.334	56.455.343.690
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.403.144.658	27.822.734.876	56.421.550.696	56.151.234.993
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					0
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.597.272.144	763.416.916	2.390.480.619	1.085.457.896
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.462.659.405	22.209.579.509	43.910.481.926	42.476.004.999
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.489.081.550	82.781.167.176	217.114.257.194	163.386.931.734
12.	Thu nhập khác	31	VI.7	280.736.489	3.501.883	313.981.782	3.049.846.356
13.	Chi phí khác	32	VI.8	650.285.803	340.323.346	1.078.030.605	1.605.319.970
14.	Lợi nhuận khác	40		(369.549.314)	(336.821.463)	(764.048.823)	1.444.526.386
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.119.532.236	82.444.345.713	216.350.208.371	164.831.458.120
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	15.464.510.041	10.348.353.867	20.560.713.125	14.890.752.602
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(6.917.343.321)	(190.262.203)	(7.049.120.229)	(178.121.571)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		102.572.365.516	72.286.254.049	202.838.615.475	150.118.827.089
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		70.425.930.060	53.792.574.674	135.699.913.224	106.219.535.694
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		32.146.435.456	18.493.679.375	67.138.702.251	43.899.291.395
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	689	524	1.336	1.044
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	689	524	1.336	1.044

Người lập biểu/Prepared by

Kế toán trưởng/Chief Accountant

Lập, ngày 8/ tháng 07 năm 2025/Created, July 31, 2025

Tổng Giám đốc/General Director

Lê Thị Hà

Đỗ Thị Thu

